píng miàn

平面

Noun · plane; flat surface

Example Sentences

zhè shì yí gè píng miàn
这是一个平 面 。

This is a plane.

zhuō zi biǎo miàn shì yí gè píng miàn
桌子表 面 是一个平 面 。

The table surface is a plane.

zài jǐ hé xué zhōng píng miàn shì méi yǒu hòu dù de èr wéi tú xíng
在几何学 中 ， 平 面 是没有 厚度的二维图 形 。

In geometry, a plane is a two-dimensional figure without thickness.

Trace each character, then write the word on your own.

平 平 平 平 平 平 平 平

面 面 面 面 面 面 面 面 面 面 面

面